

## DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG NĂM 2021

(Đính kèm theo báo cáo số /BC-TĐHHN, ngày tháng năm 2022)

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
<b>I</b>	<b>Đào tạo, bồi dưỡng về tiêu chuẩn, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, ..cho bộ chủ quản và các địa phương trên toàn quốc</b>					
1	Lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành đo đạc bản đồ	149 học viên (04 lớp)	Từ tháng 5 đến tháng 9	Cấp chứng chỉ cho 149 học viên	Quyết định cấp chứng chỉ cho học viên	Trung tâm GDTX
2	Lớp đào tạo chủ nhiệm đề án địa chất	23 học viên (01 lớp)	Tháng 5	Cấp chứng chỉ cho 23 học viên	Quyết định cấp chứng chỉ cho học viên	Trung tâm GDTX
3	Lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành Môi trường	39 học viên (01 lớp)	Tháng 8	Cấp chứng chỉ cho 39 học viên	Quyết định cấp chứng chỉ cho học viên	Trung tâm GDTX
4	Lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành địa chính	226 học viên (06 lớp)	Từ tháng 2 đến tháng 11	Cấp chứng chỉ cho 226 học viên	Quyết định cấp chứng chỉ cho học viên	Trung tâm GDTX
5	Lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức tài nguyên và môi trường hạng II	177 học viên (04 lớp)	Từ tháng 5 đến tháng 12	Cấp chứng chỉ cho 177 học viên	Quyết định cấp chứng chỉ cho học viên	Trung tâm GDTX
6	Lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức tài nguyên và môi trường hạng III	1230 học viên (26 lớp)	Từ tháng 1 đến tháng 12	Cấp chứng chỉ cho 1230 học viên	Quyết định cấp chứng chỉ cho học viên	Trung tâm GDTX
<b>II</b>	<b>Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ</b>					
1	Nghiên cứu, sử dụng quần xã động vật đáy không xương sống cỡ lớn để đánh giá mức độ ô nhiễm trầm tích sông Cầu thuộc hệ thống sông Thái Bình” mã số TNMT.2017.04.13	Đề tài	2017 - 2020	- Báo cáo kết quả nghiên cứu của các nội dung và báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu - Bộ số liệu về kết quả quan trắc chất lượng trầm tích và quần xã động vật đáy không xương sống cỡ lớn của sông Cầu	1462/QĐ-BTNMT, 27/7/2021	Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				- Dự thảo hướng dẫn sử dụng quần xã động vật đáy không xương sống cỡ lớn để đánh giá mức độ ô nhiễm trầm tích sông - 02 bài báo khoa học - Đào tạo 01 Thạc sỹ		
	Tên đối tác: Trung tâm Quan trắc Môi trường, Tổng cục Môi trường					
	Kinh phí: 1.935.000.000	VNĐ				
2	“Nghiên cứu ứng dụng công nghệ lọc sinh học dòng bùn ngược (USBF) xử lý phenol trong nước thải ở các cơ sở chế biến sản phẩm từ dầu mỏ” mã số TNMT.2017.04.11	Đề tài	2017 - 2020	- Thiết bị nuôi bùn thích nghi với nước thải nhiễm hợp chất gốc phenol, hoạt động theo mẻ (SBR) - Thiết bị USBF thử nghiệm xử lý nước thải chứa phenol - Quy trình xử lý nước thải chứa phenol ở cơ sở sản xuất sản phẩm dầu mỏ bằng công nghệ USBF - Bộ số liệu hiệu quả xử lý phenol trong nước thải ở các cơ sở chế biến sản phẩm dầu mỏ bằng công nghệ SBR - Tài liệu hướng dẫn vận hành và giải quyết các sự cố phát sinh trong ứng dụng công nghệ USBF - Báo cáo tổng kết đề tài - 02 bài báo - 01 tài liệu chuyên khảo về ứng dụng công nghệ USBF trong xử lý phenol trong nước thải ở các cơ sở chế biến sản phẩm dầu mỏ - Đào tạo 01 Thạc sỹ	1985/QĐ-BTNMT, 15/10/21	Phòng KHCN&HTQT
	Tên đối tác: Cục kiểm soát ô nhiễm, Tổng cục Môi trường					
	Kinh phí: 1.864.000.000	VNĐ				

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
3	“Nghiên cứu đặc điểm phân bố, lịch sử tích lũy một số kim loại nặng, hợp chất hữu cơ khó phân hủy trong trầm tích và đánh giá rủi ro môi trường khu vực hạ lưu sông Đáy” mã số TNMT.2017.04.09	Đề tài	2017 - 2020	- Báo cáo: Đánh giá đặc điểm phân bố các kim loại và hợp chất hữu cơ khó phân hủy trong trầm tích khu vực hạ lưu sông Đáy	1462/QĐ-BTNMT, 27/7/2021	Phòng KHCN&HTQT
				- Báo cáo: Đánh giá lịch sử tích lũy các kim loại và hợp chất hữu cơ khó phân hủy trong trầm tích khu vực hạ lưu sông Đáy		
				- Báo cáo: Đánh giá rủi ro môi trường khu vực hạ lưu sông Đáy và đề xuất các giải pháp quản lý giảm thiểu ô nhiễm kim loại nặng, chất hữu cơ khó phân hủy với khu vực nghiên cứu		
	Tên đối tác: Cục kiểm soát ô nhiễm, Tổng cục Môi trường			- Báo cáo tổng kết đề tài		
	Kinh phí: 2.040.000.000	VNĐ		- 02 bài báo		
				- Đào tạo 01 Thạc sỹ; Hỗ trợ đào tạo 01 Nghiên cứu sinh		
4	“Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí và đề xuất quy trình xác định khu vực cần lập chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ, áp dụng thí điểm cho một khu vực vùng bờ Hải Phòng” mã số TNMT.2017.06.14	Đề tài	2017 - 2020	- Cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ	1462/QĐ-BTNMT, 27/7/2021	Phòng KHCN&HTQT
				- Trình tự, nội dung xây dựng chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ ở Việt Nam		
				- Bộ tiêu chí xác định khu vực vùng bờ cần lập và thực hiện chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ		
				- Các báo cáo kết quả áp dụng thí điểm cho khu vực vùng bờ Hải Phòng		
				- Bộ bản đồ gồm 07 mảnh 1:50.000		
				- 02 bài báo khoa học		
				- Đào tạo 01 Thạc sỹ		

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
	- Tên đối tác: Cục Quản lý khai thác Biển và Hải đảo – Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam					
	Chi cục Biển và Hải đảo – Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng					
	Kinh phí: 2.145.000.000	VNĐ				
5	Nghiên cứu cơ sở khoa học xác lập tổ hợp các phương pháp định hướng khoan định túi khí nông phục vụ điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển, thí điểm áp dụng tại khu vực vùng biển vịnh Gành Rái (Gò Công – Vũng Tàu)” mã số TNMT.2017.06.15	Đề tài	2017 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo hiện trạng và việc áp dụng các văn bản quy định trong điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển tập trung cho việc khoan định các túi khí nông</li> <li>- Báo cáo kết quả thực địa đo đạc áp dụng thử nghiệm cho 01 vùng cụ thể: 02 báo cáo</li> <li>- Báo cáo kết quả phân tích các dữ liệu địa vật lý đưa ra diện phân bố túi khí trong nghiên cứu thử nghiệm cho một vùng cụ thể đã lựa chọn: 01 báo cáo</li> <li>- Báo cáo kết quả phân tích các thành phần khí trong môi trường nước và trầm tích khu vực nghiên cứu. Kết quả đánh giá nguồn gốc thành tạo các túi khí tại khu vực thử nghiệm</li> <li>- Báo cáo đề xuất các thiết bị sử dụng và quy trình sử dụng các thiết bị: 01 báo cáo</li> <li>- Báo cáo đánh giá việc áp dụng thử nghiệm quy trình, quy trình kỹ thuật đã thực hiện: 01 báo cáo</li> <li>- Báo cáo đề xuất Dự thảo Quy trình kỹ thuật ứng dụng tổ hợp các phương pháp trong định hướng khoan vùng các túi khí nông: 01 báo cáo</li> </ul>	1462/QĐ-BTNMT, 27/7/2021	Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự thảo Quy trình kỹ thuật ứng dụng tổ hợp các phương pháp trong định hướng khoanh vùng các túi khí nông: 01 bản dự thảo</li> <li>- Sơ đồ mặt cắt phân bố túi khí nông cho 1 khu vực lựa chọn cụ thể</li> <li>- 02 bài báo khoa học</li> <li>- Đào tạo 01 Thạc sỹ</li> </ul>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên đối tác: + Trung tâm Điều tra tài nguyên môi trường biển, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam</li> <li>+ Cục Quản lý điều tra tài nguyên môi trường biển, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam</li> <li>+ Liên đoàn Địa chất và Khoáng sản biển, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam</li> </ul>					
	Kinh phí: 1.662.000.000	VNĐ				
6	Nghiên cứu cơ sở khoa học đổi mới cơ chế, phương thức thăm dò, khai thác cát, sỏi, để bảo vệ các dòng sông” mã số TNMT.2017.03.12	Đề tài	2017 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả nghiên cứu tổng quan về cát, sỏi lòng sông trên thế giới và ở Việt Nam</li> <li>- Báo cáo kết quả nghiên cứu cơ sở khoa học và lựa chọn các phương pháp để dự báo khả năng tạo khoáng sản cát, sỏi lòng sông và dự báo các tác động ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát, sỏi đến dòng sông.</li> </ul>	429/QĐ-BTNMT 11/3/2021	Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thử nghiệm hệ phương pháp nghiên cứu và mô hình toán thủy lực, hình thái sông ngòi phục vụ cho công tác thăm dò, khai thác, q.lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản cát, sỏi lòng sông cho một khu vực cụ thể</li> <li>- Báo cáo kết quả nghiên cứu đề xuất đổi mới cơ chế, phương thức thăm dò, khai thác cát, sỏi để bảo vệ các dòng sông.</li> <li>- Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài</li> <li>- 01 bài báo khoa học</li> <li>- Đào tạo 01 Thạc sỹ</li> </ul>		
	Tên đối tác: + Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam					
	+ Văn phòng Hội đồng Đánh giá Trữ lượng Khoáng sản Quốc gia					
	Kinh phí: 1.800.000.000	VNĐ				
7	Nghiên cứu cơ sở khoa học ứng dụng ảnh hồng ngoại nhiệt và GIS trong cảnh báo cháy ngầm trên bề than Quảng Ninh” mã số TNMT.2017.08.06	Đề tài	2017 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình ứng dụng ảnh hồng ngoại nhiệt và GIS để cảnh báo cháy ngầm</li> <li>- Báo cáo kết quả cảnh báo cháy ngầm trên bề than Quảng Ninh</li> <li>- Báo cáo kết quả cảnh báo cháy ngầm tại mỏ than Na Dương (Lạng Sơn)</li> <li>- Bản đồ hiện trạng cháy ngầm trên bề than Quảng Ninh tỷ lệ 1/100.000</li> <li>- Bản đồ cảnh báo cháy ngầm trên bề than Quảng Ninh tỷ lệ 1/100.000</li> <li>- Bản đồ hiện trạng cháy ngầm tại mỏ than Na Dương (Lạng Sơn) tỷ lệ 1/25.000</li> <li>- Bản đồ cảnh báo cháy ngầm tại mỏ than Na Dương (Lạng Sơn) tỷ lệ 1/25.000</li> </ul>	1462/QĐ-BTNMT, 27/7/2021	Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				- Báo cáo tổng kết đề tài - 02 bài báo - Đào tạo 01 Thạc sỹ		
	Tên đối tác: Cục kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Bắc, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam					
	Kinh phí: 1.950.000.000	VNĐ				
8	Nghiên cứu xác định hệ số phát thải khí nhà kính từ hoạt động đốt hờ các phụ phẩm nông nghiệp (trấu, rơm rạ vùng Tây Nam Bộ” mã số TNMT.2017.05.18	Đề tài	2017 - 2020	- Hệ số phát thải các chất khí gây ô nhiễm môi trường không khí (Tổng bụi lơ lửng, PM10, CO, CO2, NH4, NO, NO2, SO2) do hoạt động đốt hờ trấu, rơm rạ trên đồng ruộng vùng Tây Nam Bộ - Các bộ số liệu kết quả quan trắc và phân tích các chất môi trường không khí do hoạt động đốt rơm rạ tại đồng ruộng. Bộ số liệu từ lập thí nghiệm và phân tích nồng độ các chất ô nhiễm do hoạt động đốt rơm rạ trong phòng thí nghiệm - Các bộ số liệu kết quả quan trắc và phân tích các chất môi trường không khí do hoạt động đốt trấu tại các nhà máy xây xát. Bộ số liệu từ lập thí nghiệm và phân tích nồng độ các chất ô nhiễm do hoạt động đốt trấu trong phòng thí nghiệm - Báo cáo "Hiện trạng phương thức sử dụng rơm rạ, trấu cho các mục đích khác nhau tại địa phương nghiên cứu". - Báo cáo "Kiểm kê lượng khí thải phát sinh từ việc đốt rơm rạ trên đồng ruộng vào các mùa vụ khác nhau tại 13 tỉnh/thành phố Tây Nam Bộ".	1462/QĐ-BTNMT, 27/7/21	Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo "Kiểm kê lượng khí sthara phát sinh từ việc đốt trấu tại các nhà máy xay xát tại 13 tỉnh /thành phố Tây Nam Bộ".</li> <li>- Bộ số liệu kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực có hoạt động đốt rơm rạ</li> <li>- Bộ số liệu kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực có hoạt động đốt hồ trấu</li> <li>- Báo cáo áp dụng mô hình dự báo mức độ lan truyền các chất ô nhiễm môi trường không khí từ hoạt động đốt rơm rạ và trấu</li> <li>- Báo cáo tổng kết đề tài</li> <li>- 02 bài báo</li> <li>- Đào tạo 01 Thạc sỹ</li> </ul>		
	Tên đối tác: Cục Biến đổi Khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường					
	Kinh phí: 1.892.000.000	VNĐ				
9	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS xác định số lượng, nhu cầu sử dụng và phân bổ tài nguyên nước mặt phục vụ quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh, áp dụng thử nghiệm cho lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn" mã số TNMT.2017.02.05	Đề tài	2017 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo cơ sở khoa học "Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS xác định số lượng, nhu cầu sử dụng và định hướng phân bổ tài nguyên nước mặt phục vụ quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh"</li> <li>- Quy trình "Xác định số lượng, nhu cầu và định hướng phân bổ tài nguyên nước mặt phục vụ quy hoạch TNNlưu vực sông liên tỉnh bằng viễn thám và GIS"</li> </ul>	1462/QĐ-BTNMT, 27/7/2021	Phòng KHCN&HTQT



TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				- Các loại bản đồ phân vùng hiện trạng sử dụng nước; mạng lưới thủy văn; tiểu vùng lưu vực, phân vùng quy hoạch tài nguyên nước mặt, cơ sở dữ liệu tại lưu vực Vu Gia - Thu Bồn. Báo cáo số lượng, nhu cầu và định hướng phân bổ TNN mặt tại lưu vực Vu Gia - Thu Bồn. - 02 bài báo - Đào tạo 01 Thạc sỹ		
	Tên đối tác: Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường					
	Kinh phí: 1.800.000.000	VNĐ				
10	Nghiên cứu, đề xuất cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hợp lý, đảm bảo phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Bắc Trung Bộ” TNMT.2017.01.08	Đề tài	2017 - 2020	- Báo cáo tổng quan về cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu - Báo cáo số liệu, tài liệu phục vụ nghiên cứu - Báo cáo điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; thực trạng về sử dụng đất sản xuất nông nghiệp và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất sản xuất nông nghiệp vùng Bắc Trung bộ - Báo cáo Dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp vùng Bắc Trung bộ, giai đoạn 2016-2030	1462/QĐ-BTNMT, 27/7/2021	Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo sử dụng công nghệ GIS và bài toán phân tích đa chỉ tiêu để lựa chọn phương án sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hợp lý vùng Bắc Trung bộ. (Sử dụng phần mềm LSE để đánh giá thích nghi đất đai đối với đất sản xuất nông nghiệp)</li> <li>- Báo cáo đề xuất cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đảm bảo phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.</li> <li>- Báo cáo đề xuất các giải pháp thực hiện cơ cấu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hợp lý, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Bắc Trung bộ.</li> <li>- Báo cáo tổng kết đề tài</li> <li>- 02 bài báo đăng trong nước</li> <li>- Hướng dẫn 01 thạc sỹ.</li> </ul>		
	- Tên đối tác: + 6 tỉnh bắc Trung bộ: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, Quảng Trị, Nghệ Tĩnh + Trung tâm Quy hoạch Đất					
	Kinh phí: 1.767.000.000	VNĐ				
11	“Nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS trong giám sát công viên địa chất” mã số TNMT.2018.03.02	Đề tài	2018 -2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng kết</li> <li>- Hiện trạng và biến động của khu vực công viên địa chất trong nghiên cứu thực nghiệm của đề tài</li> <li>- Cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc giám sát công viên địa chất</li> <li>- Quy trình kết hợp viễn thám và GIS trong giám sát công viên địa chất</li> <li>- Đề xuất các giải pháp khoa học kỹ thuật trong giám sát công viên địa chất</li> </ul>		Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				- 02 bài báo		
	Tên đối tác: 01 đơn vị trực thuộc Tổng cục Địa chất Khoáng sản Việt Nam hoặc 01 đơn vị trực thuộc Viện địa chất và khoáng sản (dự kiến)					
	Kinh phí: 1.240.000.000	VNĐ				
12	“Nghiên cứu các loài nấm lớn có giá trị để bổ sung vào danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển” mã số TNMT 2018.04.11 (dự kiến)	Đề tài	2018 -2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng kết</li> <li>- Nội dung 2.1.1: Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội các Vườn Quốc gia, rừng thuộc 4 tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Thái Nguyên, Phú Thọ</li> <li>- Nội dung 2.1.2: Tổng quan tài liệu nghiên cứu trong nước</li> <li>- Nội dung 2.1.3: Tổng quan tài liệu nghiên cứu trong nước và quốc tế về vai trò giá trị, đặc tính của nấm có giá trị trong nước</li> <li>- Nội dung 2.2.1: Tổng quan nghiên cứu ứng dụng của các nấm có giá trị trong nước</li> <li>- Nội dung 3.2: Điều tra, đánh giá hiện trạng các loài nấm lớn tại KVNC</li> <li>- Nội dung 4.2: Lấy mẫu nấm lớn tại 4 tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Thái Nguyên, Phú Thọ</li> <li>- 04 cử nhân, 02 thạc sỹ</li> <li>- 05 bài báo</li> </ul>		Phòng KHCN&HTQT
	Tên đối tác: Cục bảo tồn Đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường					
	Kinh phí: 540.000.000	VNĐ				

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
13	“Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng hệ thống công khai, minh bạch (MRV) trong sử dụng đất và thay đổi sử dụng đất ở Việt Nam” mã số TNMT.2018.05.04 (dự kiến)	Đề tài	2018 -2020	- Báo cáo tổng kết.		Phòng KHCN&HTQT
				- Báo cáo cơ sở lý thuyết của Hệ thống công khai, minh bạch nhằm giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực SDD và TĐSDD cho ngành Tài nguyên và Môi trường.		
				- Đề xuất hệ thống khai, minh bạch nhằm giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực SDD và TĐSDD cho ngành Tài nguyên và Môi trường.		
				- 02 bài báo - 02 thạc sỹ		
Tên đối tác: Cục Biến đổi khí hậu						
Kinh phí: 740.000.000		VNĐ				
14	“Nghiên cứu khả năng chống chịu và khả năng thích ứng của các hệ sinh thái kém bền vững ở một số tỉnh miền núi và ven biển miền Bắc Việt Nam, nhằm tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu” mã số TNMT 2018.05.05 (dự kiến)	Đề tài	2018 -2020	- Báo cáo tổng kết		Phòng KHCN&HTQT
				- Báo cáo các hệ sinh thái kém bền vững ở vùng nghiên cứu		
				- Báo cáo khả năng chống chịu, khả năng thích ứng của các hệ sinh thái kém bền vững tại vùng nghiên cứu		
				- 01 tiến sỹ, 02 nghiên cứu sinh, 01 thạc sỹ - 04 bài báo		
- Tên đối tác: + Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường + Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Bộ Tài nguyên và Môi trường						
Kinh phí: 740.000.000		VNĐ				
15	“Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu cường độ - thời đoạn - tần suất (Intensity-Duration-Frequency: IDF) mưa tại một số đô thị của Việt Nam, thử nghiệm tại hai thành phố” mã số TNMT 2018.05.27 (dự kiến)	Đề tài	2018 -2020	- Báo cáo tổng kết		Phòng KHCN&HTQT
				- Bộ số liệu quan trắc mưa giờ tại thành phố Hải Phòng và Vinh		
				- Báo cáo khoa học về đặc trưng phân bố mưa và các nhân tố ảnh hưởng đến mưa tại thành phố Hải Phòng và Vinh		

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				- 01 bài báo - 02 thạc sỹ - 01 cử nhân		
	- Tên đối tác: + Đài Khí tượng thủy văn Đông Bắc (thành phố Hải Phòng) + Đài Khí tượng thủy văn Bắc Trung Bộ (thành phố Vinh)					
	Kinh phí: 740.000.000	VNĐ				
16	“Nghiên cứu chi tiết hóa cấp độ rủi ro lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn có xét đến vai trò của hồ chứa trên lưu vực sông Mã thuộc Thanh Hóa” mã số TNMT 2018.05.37 (dự kiến)	Đề tài	2018 -2020	- Báo cáo tổng kết - Báo cáo bộ dữ liệu, bản đồ và phần mềm liên quan đến nội dung nghiên cứu - Báo cáo tổng quan về phương pháp xác định phân cấp độ rủi ro thiên tai lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn; một số đặc trưng của các trận lũ, các đợt hạn hán, xâm nhập mặn điển hình xảy ra trên lưu vực - 01 tiến sỹ, 01 thạc sỹ		Phòng KHCN&HTQT
	- Tên đối tác: + Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Thanh Hóa + Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa					
	Kinh phí: 740.000.000	VNĐ				
17	“Nghiên cứu cơ sở khoa học sử dụng động vật hai mảnh vỏ phục vụ đánh giá, dự báo chất lượng môi trường biển ven bờ; thử nghiệm tại Bình Định” mã số TNMT 2018.06.11 (dự kiến)	Đề tài	2018 -2020	- Báo cáo tổng hợp - Chuyên đề 2.1a: Báo cáo tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, địa chất, điều kiện và chế độ hải văn ảnh hưởng đến chất lượng môi trường biển ven bờ Bình Định		Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				- Chuyên đề 2.1b: Báo cáo về độc tính của kim loại nặng, các hợp chất hữu cơ trong nước, trong mô của động vật hai mảnh vỏ và ảnh hưởng của chúng đến môi trường - 01 đợt khảo sát, 4 đợt lấy mẫu - 05 bài báo - 01 thạc sỹ, 02 học viên, 06 cử nhân		
	- Tên đối tác: + Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo - Tổng cục Biển Hải đảo + Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Định					
	Kinh phí: 540.000.000	VNĐ				
18	“Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học để xây dựng mô hình geoid trên vùng biển của Việt Nam; thử nghiệm cho một vùng điển hình” mã số TNMT 2018.07.08 (dự kiến)	Đề tài	2018 -2020	- Báo cáo tổng hợp - Phương pháp và quy trình xây dựng mô hình geoid trên vùng biển Việt Nam - Phương án bổ sung, cập nhật dữ liệu nhằm phục vụ bài toán xác định mô hình geoid trên vùng biển của Việt Nam - 01 bài báo - 05 thạc sỹ		Phòng KHCN&HTQT
	- Tên đối tác: + Cục Đo đạc, Bản đồ và Hệ thống tin địa lý + Tổng cục Biển và Hải đảo					
	Kinh phí: 740.000.000	VNĐ				
19	“Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS giám sát hiện tượng đảo nhiệt đô thị” mã số TNMT 2018.08.10 (dự kiến)	Đề tài	2018 -2020	- Báo cáo tổng hợp - Bộ bản đồ phân bố nhiệt độ bề mặt đô thị - Bộ bản đồ diễn biến nhiệt độ bề mặt đô thị - Quy trình công nghệ ứng dụng viễn thám và GIS giám sát hiện tượng đảo nhiệt đô thị - 01 Bài báo		Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				- 02 thực sỹ		
	Tên đối tác: Trung tâm Giám sát tài nguyên môi trường và thiên tai, Cục Viễn thám Quốc gia					
	Kinh phí: 740.000.000	VNĐ				
20	“Nghiên cứu, đề xuất cơ chế vận hành và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giá đất thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai” mã số TNMT.2018.01.02	Đề tài	2018 -2021	- Đề xuất hoàn thiện cơ chế vận hành CSDL giá đất - Bộ sở tay hướng dẫn cơ chế vận hành và khai thác CSDL giá đất thuộc hệ thống CSDL đất đai - Quy trình cập nhật và khai thác CSDL giá đất - Bộ tài liệu hướng dẫn phục vụ giảng dạy các môn: định giá đất, CSDL đất đai		Phòng KHCN&HTQT
	- Tên đối tác: Trung tâm triển khai và ứng dụng công nghệ địa chính – Trung tâm dữ liệu và thông tin đất đai – Tổng cục Quản lý đất đai					
	- Kinh phí: 2.000.000.000	VNĐ				
21	“Nghiên cứu sơ sở khoa học xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất trong mối liên kết vùng và biến đổi khí hậu” mã số TNMT 2018.01.04	Đề tài	2018 -2021	- Dự thảo quy trình xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất tỉnh có tính đến yếu tố vùng và biến đổi khí hậu - Giải pháp nhằm nâng hiệu quả thực hiện của phương án quy hoạch trong điều kiện BĐKH và quan hệ tương tác giữa các vùng kinh tế tự nhiên - Phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030 của tỉnh Thái Bình có tính đến các chỉ số liên kết vùng và tác động của BĐKH		Phòng KHCN&HTQT
	- Tên đối tác: Viện Nghiên cứu Quản lý đất đai					

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
	- Kinh phí: 1.900.000.000	VNĐ				
22	“Nghiên cứu hoàn thiện quy định về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ để thực hiện chủ trương tích tụ ruộng đất” mã số TNMT.2018.01.03	Đề tài	2018 -2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo cơ sở khoa học về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và chủ trương tích tụ ruộng đất;</li> <li>- Báo cáo đánh giá tác động của chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp đến tích tụ đất đai và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ (nghiên cứu điểm tại Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên);</li> <li>- Báo cáo đề xuất tiêu chí về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và tích tụ ruộng đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất;</li> <li>- Báo cáo đề xuất nâng cao việc thực hiện quy định chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp góp phần thực hiện chủ trương tích tụ ruộng đất tại vùng đồng bằng Bắc Bộ.</li> </ul>		Phòng KHCN&HTQT
	- Tên đối tác: Cục Đăng ký đất đai - Tổng cục Quản lý đất đai					
	- Kinh phí: 1.640.000.000	VNĐ				
23	“Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật đồng vị để xác định nguồn gốc, phân bố nitơ trong môi trường nước dưới đất tại một số vùng thuộc đồng bằng Sông Hồng (Hà Nội, Hà Nam, Nam Định)” mã số TNMT 2018.02.15	Đề tài	2018 -2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả áp dụng thử nghiệm kỹ thuật đánh dấu đồng vị để xác định nguồn gốc, sự phân bố N trong môi trường nước dưới đất nông tại Nam Hà Nội, Hà Nam và Nam Định</li> <li>- Dự thảo Quy định kỹ thuật xác định nguồn gốc N trong môi trường nước dưới đất bằng kỹ thuật đánh dấu đồng vị</li> <li>- Kiến nghị về việc sử dụng kỹ thuật đồng vị để xác định nguồn gốc Nito trong môi trường nước tại khu vực nghiên cứu</li> <li>- Báo cáo tổng kết đề tài</li> </ul>		Phòng KHCN&HTQT
				- 02 bài báo		



TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
	- Tên đối tác: + Cục quản lý Tài nguyên nước + Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên nước Quốc gia - Kinh phí: 1.750.000.000	VNĐ		- 02 thạc sỹ		
24	“Định giá tài nguyên nước khu vực Đồng bằng sông Hồng trong điều kiện biến đổi khí hậu” mã số TNMT.2018.02.16  - Tên đối tác: Cục Quản lý tài nguyên nước - Kinh phí: 1.700.000.000	Đề tài	2018 -2021	- Báo cáo về cơ sở khoa học, phương pháp và kỹ thuật định giá tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu - Quy trình hướng dẫn về định giá tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu - Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành - Hướng dẫn 01 thạc sỹ		Phòng KHCN&HTQT
25	“Nghiên cứu, thiết kế hệ thống đo lường, giám sát tự động thời gian thực một số thành phần môi trường trong khai thác khoáng sản. Áp dụng thử nghiệm tại một số khu vực điển hình vùng than Thái Nguyên” mã số TNMT.2018.03.03	Đề tài	2018 -2021	- Thiết bị nút cảm biến thu nhận, xử lý, truyền dẫn không dây thông số môi trường cho quan trắc môi trường trong mỏ lộ thiên và hầm lò - Thiết bị nút mạng gateway, IoTs kết nối với nút mạng cảm biến không dây và kết nối internet - Phần mềm máy tính - Số liệu, cơ sở dữ liệu - Tài liệu hướng dẫn lắp đặt, cài đặt và sử dụng phần mềm, phần cứng		Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tổng kết nghiên cứu về nguyên lý, kỹ thuật, thiết kế, xây dựng, triển khai hệ thống quan trắc tự động thông số môi trường trong mỏ lộ thiên và hầm lò sử dụng tích hợp các công nghệ mạng cảm biến không dây, internet vạn vật và GIS</li> <li>- Báo cáo thực hiện mạng thử nghiệm trực tuyến, thời gian thực, đo lường, theo dõi và cảnh báo từ xa qua mạng Internet</li> <li>- Quy trình thiết kế, xây dựng mạng cảm biến ứng dụng trong quan trắc môi trường mỏ hầm lò và lộ thiên</li> <li>- Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt</li> <li>- 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế</li> <li>- Hướng dẫn 01 thạc sỹ</li> </ul>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên đối tác: +Trung tâm phần mềm và GIS, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu Tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường</li> <li>+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên</li> <li>+ Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam</li> <li>- Kinh phí: 2.568.000.000</li> </ul>	VNĐ				
26	<ul style="list-style-type: none"> <li>“Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá tiềm năng quặng graphit đới Sông Hồng bằng các phương pháp toán địa chất kết hợp GIS” mã số TNMT.2018.03.14</li> <li>- Tên đối tác: Tổng cục địa chất khoáng sản</li> </ul>	Đề tài	2018 -2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình quặng hóa Graphit các tụ khoáng điển hình được lựa chọn thuộc đới sông Hồng.</li> <li>- Sơ đồ phân vùng và dự báo triển vọng quặng graphit đới sông Hồng.</li> </ul>		Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
	- Kinh phí: 1.339.000.000	VNĐ				
27	“Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết khối để đánh giá nguy cơ trượt lở trên mái dốc đá dọc tuyến quốc lộ; thử nghiệm từ km 0 đến km 80 trên quốc lộ 3B” mã số TNMT.2018.03.18	Đề tài	2018 -2021	- Sơ đồ phân vùng chi tiết các kiểu khối nguy cơ trượt lở trên bề mặt mái dốc đá có tỷ lệ 1/10.000 thử nghiệm từ km 0 đến km 26 trên quốc lộ 3B. - Đề xuất quy trình thu thập, phân tích, xử lý và cảnh báo trượt lở trên mái dốc đá		Phòng KHCN&HTQT
	- Tên đối tác: + Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam					
	+ Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản					
	+ Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn					
	- Kinh phí: 1.340.000.000		VNĐ			
28	“Nghiên cứu ứng dụng vật liệu nano wolfram và thiếc ô xít để chế tạo đầu đo khí NO <sub>x</sub> và H <sub>2</sub> S trong thiết bị cầm tay quan trắc môi trường khí” mã số TNMT 2017.04.14	Đề tài	2018 -2021	- Linh kiện cảm biến đo khí H <sub>2</sub> S		Phòng KHCN&HTQT
				- Linh kiện cảm biến khí NO <sub>x</sub>		
				- Thiết bị đo khí NO <sub>x</sub> và H <sub>2</sub> S cầm tay truyền số liệu không dây		
				- Quy trình công nghệ chế tạo cảm biến khí H <sub>2</sub> S		
				Bản vẽ kỹ thuật của chip cảm biến khí H <sub>2</sub> S		
				- Quy trình công nghệ chế tạo cảm biến khí NO <sub>x</sub>		
				Bản vẽ kỹ thuật của chip cảm biến khí NO <sub>x</sub>		
				- Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt		
				- 02 bài báo đăng trên tạp chí hoặc kỷ yếu trong nước		
				- Hướng dẫn 01 thạc sỹ		

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
	- Tên đối tác: Trung tâm tư vấn và công nghệ môi trường – Tổng cục Môi trường, Bộ tài nguyên và Môi trường - Kinh phí: 2.255.000.000					
29	“Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, xây dựng Hệ thống công khai, minh bạch cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK trong quản lý chất thải” mã số TNMT 2018.05.03  - Tên đối tác: Cục Biến đổi Khí hậu - Kinh phí: 974.000.000	Đề tài	2018 -2021	- Bộ tiêu chí đánh giá mức độ công khai, minh bạch các hành động giảm nhẹ phát thải KNK trong quản lý chất thải - Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt - 02 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ		Phòng KHCN&HTQT
30	“Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo xu hướng thay đổi hệ sinh thái rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở các tỉnh ven biển Bắc Bộ” mã số 2018.05.06  - Tên đối tác: + Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh	Đề tài	2018 -2021	- Báo cáo kết quả nghiên cứu của các nội dung và báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài - Bộ số liệu về đặc trưng rừng ngập mặn (mật độ, kích thước, cấu trúc thành phần loài cây ngập mặn) và các nhân tố sinh thái (nhiệt độ, lượng mưa, ...) - Mô hình toán dự báo xu hướng thay đổi rừng ngập mặn theo kịch bản biến đổi khí hậu 2016 - Giải pháp bảo tồn và phát triển rừng ngập mặn ở các tỉnh ven biển Bắc Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu - 02 bài báo khoa học - 02 thạc sỹ		Phòng KHCN&HTQT

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
	+ Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Nam Định					
	+ Cục Bảo tồn Đa dạng Sinh học, Tổng Cục Môi trường					
	- Kinh phí: 2.482.000.000					
<b>III</b>	<b>Hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm</b>					
1	<b>Hoạt động tư vấn, lựa chọn ngành nghề (tư vấn tuyển sinh)</b>					
1.1	- Kế hoạch tuyển sinh năm 2021; - Cử sinh viên tham gia ngày hội tuyển sinh tại Hưng Yên - Cử sinh viên tham gia ngày hội tuyển sinh tại đại học Bách Khoa; - Cử sinh viên tham gia ngày hội tuyển sinh tại trường THPT Đào Duy Từ - Hà Nội; - Cử sinh viên tham gia ngày hội tuyển sinh tại trường THPT Xuân La - Hà Nội;	40.000 lượt thí sinh	Từ tháng 3 đến tháng 6	Đã phát 50.000 tờ rơi quảng cáo, Tiếp nhận 30.000 hồ sơ xét tuyển học bạ và hơn 45.000 hồ sơ đăng ký xét tuyển điểm thi THPT	- Kế hoạch số 404/KH-TĐHHN, 29/01/2021); - Quyết định số 1850/QĐ-TĐHHN, 29/4/2021; - Quyết định số 1528/QĐ-TĐHHN, 09/4/2021; - Quyết định số 1528/QĐ-TĐHHN, 09/4/2021	Ban truyền thông và TVTS
2	<b>Hoạt động giới thiệu việc làm (hội trợ việc làm)</b>					
2.1	Thông báo danh sách nhà tuyển dụng có nhu cầu tuyển dụng lao động	Lượt người tham gia	8/2021	Sinh viên có nhu cầu việc làm chủ động liên hệ với nhà tuyển dụng	Thông báo số 3251/TB-TĐHHN, ngày 10/8/2021	

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
<b>IV</b>	<b>Hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện</b>					
1	<b>Hoạt động tình nguyện</b>					
1.1	Kế hoạch tình nguyện "Chiến dịch Hoi âm ngày đông - Tết đến yêu thương" tại xã Vân Sơn, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.	25 đoàn viên	16/01/2021	Tổ chức tặng quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo vượt khó, cựu chiến binh tại xã Vân Sơn	Kế hoạch số 336/KH-ĐTĐN, 12/1/2021	Đoàn thanh niên
1.2	Hoạt động hưởng ứng ủng hộ chương trình trồng 1 tỉ cây xanh do Thủ tướng Chính phủ phát động	2000 đoàn viên	03/2021	Cử 2000 đoàn viên tham gia lễ phát động hưởng ứng chương trình trồng 1 tỉ cây xanh do Thủ tướng Chính phủ phát động	Công văn triệu tập của Đoàn Thanh niên Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đoàn thanh niên
1.3	Tham gia chương trình trồng 1000 cây xanh ở khu di tích đền Hùng	20 đoàn viên	03/04/2021	Trồng 1000 cây xanh tại khu di tích Đền Hùng - tỉnh Phú Thọ	Công văn triệu tập của Đoàn Thanh niên Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đoàn thanh niên
1.4	Phối hợp hỗ trợ công tác bầu cử tại địa bàn phường Phú Diễn	42 đoàn viên	Từ 01 đến 06/4/2021	Tham gia hỗ trợ công tác hướng dẫn bầu cử, hỗ trợ tổ bầu cử lập danh sách cử tri trong khu vực.	Kế hoạch số 1327/KH-TĐHHN. 26/3/2021	Đoàn thanh niên
2	<b>Hoạt động hiến máu nhân đạo.</b>					
2.1	Kế hoạch Hiến máu tình nguyện	500 sinh viên	10/04/2017	Tiếp nhận được 450 đơn vị máu	Kế hoạch số 373/KH-ĐTĐN, 25/3/2017	Đoàn thanh niên
3	<b>Ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, ...</b>					
3.1	Nhà trường hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó do ảnh hưởng của Covid	500 sinh viên	Từ 20 đến 25/8/2021	Tặng quà hỗ trợ cho 500 sinh viên đang gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid	Thông báo số 3237/TB-TĐHHN, ngày 09/8/2021	

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện	Minh chứng	Đơn vị báo cáo
3.2	Hỗ trợ đoàn viên gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid	176 đoàn viên	Từ 16 đến 31/8/2021	Tặng quà hỗ trợ cho 176 đoàn viên đang gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid	Kế hoạch số 1669/KH-TĐHNN, 25/5/2017	Đoàn thanh niên
3.3	Hỗ trợ đoàn viên gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid từ thành đoàn Hà Nội	64 đoàn viên	Từ 05 đến 10/9/2021	Tặng quà hỗ trợ cho 64 đoàn viên đang gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid		Đoàn thanh niên
3.4	Ứng hộ biển đảo Việt Nam	Cán bộ, giảng viên		39.200.000 đồng	CV số 164-CV/ĐU ngày 29/1/2021	Phòng KHTC
3.5	Ứng hộ quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" năm 2021 của Phường Phú Diễn			1.000.000 đồng	CV đến số 1278 ngày 26/7/2021	Phòng KHTC
V	<b>Học bổng cho người học</b>					
1	<b>Học bổng khuyến khích học tập</b>					
1.1	Cấp học bổng khuyến khích học tập cho người học	939 người học	Năm 2021	Cấp học bổng khuyến khích học tập cho 939 sinh viên	Quyết định cấp học bổng cho sinh viên	Phòng CTSV
	Tổng tiền đã cấp cho người học	5.453.823.000 đồng				
2	<b>Hỗ trợ miễn giảm học phí</b>					
2.1	Hỗ trợ miễn giảm học phí	337 người học	Năm 2021	Hỗ trợ miễn giảm học phí cho 337 sinh viên	Quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên	Phòng CTSV
	Tổng tiền đã cấp cho người học	1.754.309.450 đồng				
3	<b>Hỗ trợ chi phí học tập</b>					
3.1	Hỗ trợ chi phí học phí	33 người học	Năm 2021	Hỗ trợ miễn giảm học phí cho 33 sinh viên	Quyết định miễn giảm học phí cho sinh viên	Phòng CTSV
	Tổng tiền đã cấp cho người học	156.450.000 đồng				